



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam
Vietnam Pepper Association
135A Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP HCM
Tel: (84-28) 3823.7288 - 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901
Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 27/22, 04-08/07/2022

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều, Sri Lanka là quốc gia duy nhất ghi nhận giá tiêu nội địa tiếp tục ghi nhận sự gia tăng.
02. Ấn Độ - Giá tiêu Ấn Độ giảm trong tuần này.
03. Indonesia - Giá tiêu Indonesia tuần này giảm do sự đồng Rupiah Indonesia giảm 1% so với USD (14.986 IDR/USD) và nguồn cung khan hiếm.
04. Malaysia - Giá tiêu Malaysia giao dịch thị trường trong nước và quốc tế ổn định, không thay đổi.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa Sri Lanka tăng trong 2 tuần qua khi cuộc khủng hoảng tài chính tại quốc gia đang tiếp diễn với tỷ lệ lạm phát lên đến 60%.
06. Việt Nam - Giá tiêu Việt Nam giảm trong tuần này do Việt Nam đồng giảm 1% so với USD (23.400 VND/USD).
07. Nhập khẩu Hồ tiêu của Đức (2020-2022).

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (04-08/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	6.207 6.171 6.186 6.167 -	6,182 - 6,215	-1% ↓
 Ex-Lampung	2.941 2.935 2.930 2.936 2.937	2,936 - 3,061	-4% ↓
 Ex-Kuching	4.099 4.094 4.087 4.086 4.087	4,091 - 4,107	0% =
 Ex- HCM	3.013 3.013 3.013 3.013 3.013	3,013 - 3,032	-1% ↓
 Sri Lanka	4.950 4.950 4.950 4.936 4.943	4,946 - 4,877	1% ↑

Sources:

- India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
- Malaysia : Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka : Department of Export Agriculture
- Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (04-08/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang	5.314 5.304 5.295 5.305 5.307	5,305 – 5,348	-1% ↓
 Ex-Kuching	5.859 5.852 5.842 5.840 5.842	5,847 – 5,871	0% ↔
 Ex-HCM	4.594 4.594 4.594 4.594 4.594	4,594 – 4,624	-1% ↓
 Ex-Hainan	6.185 6.185 6.185 6.185 6.185	6,185 – 6,185	0% ↔

Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (04-08/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA	6.460 6.423 6.439 6.419 -	6,435 – 6,469	-1% ↓
 Lampung ** ASTA	3.515 3.508 3.502 3.509 3.510	3,509 – 3,653	-4% ↓
 Kuching ASTA	5.900 5.900 5.900 5.900 5.900	5,900 – 5,900	0% ↔
 Ho Chi Minh 500g/l	3.650 3.650 3.650 3.650 3.650	3,650 – 3,730	-2% ↓
 Ho Chi Minh 550g/l	3.900 3.900 3.900 3.900 3.900	3,900 – 3,980	-2% ↓

Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

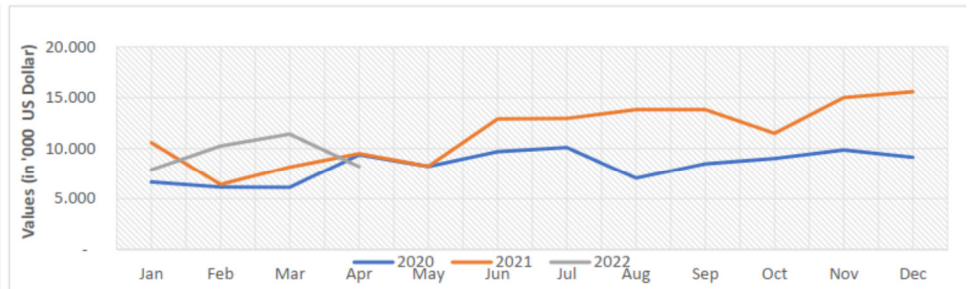
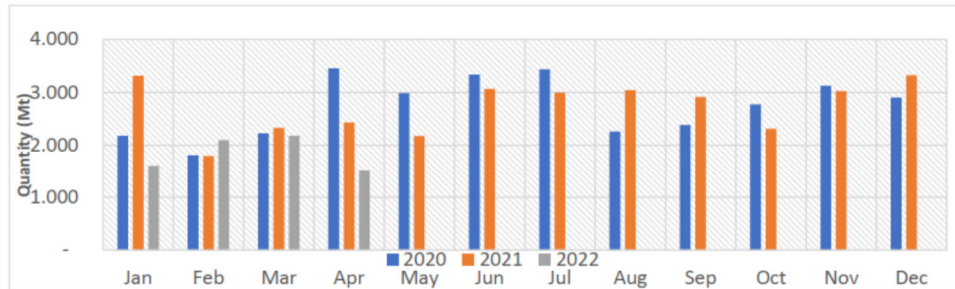
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (04-08/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ	6.146 6.134 6.123 6.135 6.137	6,135 – 6,185	-1% ↓
 Kuching ASTA	7.600 7.600 7.600 7.600 7.600	7,600 – 7,600	0% ↔
 Ho Chi Minh FAQ	5.700 5.700 5.700 5.700 5.700	5,700 – 5,780	-1% ↓
 Haikou FAQ	6.385 6.385 6.385 6.385 6.385	6,385 – 6,385	0% ↔

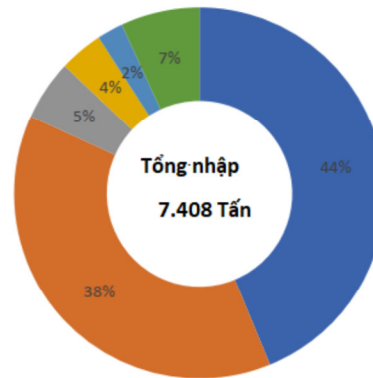
Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA ĐỨC



5 Quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Đức
4 tháng năm 2022



- 1 Brazil : 3,244 Tấn
- 2 Việt Nam : 2,816 Tấn
- 3 Indonesia : 389 Tấn
- 4 Ấn Độ : 281 Tấn
- 5 Sri Lanka : 168 Tấn
- 6 Khác : 510 Tấn



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Nhập khẩu Hồ tiêu của Đức (2020-2022)



	<u>2020</u>	<u>2021</u>	<u>2022*</u>
Tổng lượng nhập (tấn)	32,873	32,714	7,408
Tổng trị giá nhập ('000 USD)	\$99,883	\$138,625	\$37,777



	Tiêu hạt	91%	91%	90%
Thị phần (%)	Tiêu xay	9%	9%	10%



Chênh lệch (%)	n.a	-0.5%	-25%
----------------	-----	-------	------



	Tiêu hạt	\$ 2,888	\$ 4,163	\$ 5,059
Giá nhập khẩu (USD/tấn)	Tiêu xay	\$ 4,505	\$ 4,970	\$ 5,468

* Tính đến tháng 4/2022

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.71	79.10	14,986	4.42	23,400	360.11
Tuần trước	6.70	78.84	14,865	4.40	23,250	359.87
Thay đổi	Không đổi	Không đổi	Giảm	Không đổi	Giảm	Không đổi

Nguồn:

- India: x-rates.com, Financial Benchmark India Private Ltd (FBIL)
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Trung Quốc: Hệ thống thương mại ngoại hối Trung Quốc (CFETS)